

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2025

**BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ, ĐIỀU
HÀNH GIÁ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-STC ngày tháng năm 2025)

1. Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế: không có.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (4)	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ (3)	THUYẾT MINH
Điều 1.	Điều 1.	Thuyết minh những nội dung được kế thừa; nội dung được sửa đổi, bổ sung; nội dung thay thế, bãi bỏ (nếu có). Nội dung phân quyền, phân cấp và cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính (nếu có); việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc (nếu có).
Điều 2.	Điều 2.	
Điều n.	Điều n.	

2. Đối với văn bản ban hành mới

Quy định về Quản lý, điều hành giá trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	Quy định về hoạt động quản lý, điều hành giá trên địa bàn Thành phố liên quan đến nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá (bao gồm các hoạt động điều tiết giá của Nhà nước; tổng hợp, phân tích, dự báo giá cả thị trường; kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá; cơ sở dữ liệu về giá) và thẩm định giá thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố theo nhiệm vụ được quy định	- Căn cứ quy định tại Điều 1 và Điều 2 Luật Giá: “Điều 1. Phạm vi điều chỉnh <i>Luật này quy định về quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân, người tiêu dùng trong lĩnh vực giá, thẩm định giá; hoạt động quản lý, điều tiết giá của Nhà nước;</i>

	tại Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội (gọi tắt là Luật Giá) và các văn bản hướng dẫn	<i>tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường; cơ sở dữ liệu về giá; thẩm định giá; thanh tra chuyên ngành về giá, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá.</i>
Điều 2. Đối tượng áp dụng	1. Cơ quan quản lý nhà nước được phân công, phân cấp thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá. 2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ; người tiêu dùng; tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động quản lý, điều tiết giá của Nhà nước và thẩm định giá trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	Điều 2. Đối tượng áp dụng <i>Luật này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ; người tiêu dùng; cơ quan nhà nước; tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá, thẩm định giá trên lãnh thổ Việt Nam.”.</i> - Căn cứ quy định tại Điều 2 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP: “Điều 2. Đối tượng áp dụng <i>Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ; người tiêu dùng; cơ quan nhà nước; tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá, thẩm định giá trên lãnh thổ Việt Nam.</i> <i>Căn cứ các quy định nêu trên, Sở Tài chính đã xây dựng nội dung quy định tại Điều 1, Điều 2 Dự thảo Quy định này.”.</i>
Điều 3. Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá	Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá: tên hàng hóa, dịch vụ; cơ quan quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ; cơ quan tổ chức triển khai thực hiện và cơ quan tham mưu thực hiện theo quy định tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này	Căn cứ Phụ lục số 01 - Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá được ban hành kèm theo Luật Giá; Căn cứ khoản 1 Điều 7 Nghị định số 85/2025/NĐ-CP quy định: “Điều 7. Thẩm quyền, trách nhiệm thực hiện bình ổn giá <i>1. Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá...</i> <i>4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp bình</i>

		ôn giá do Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực quyết định... ”. Trên cơ sở quy định nêu trên, Dự thảo Quy định đã quy định Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá và cơ quan triển khai bình ổn giá ở địa phương.
Điều 4. Điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá	1. Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ theo phân công tại Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá quy định tại Phụ lục I Quyết định này đề xuất điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá, gồm: a) Đánh giá sự cần thiết của việc điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá trên cơ sở tiêu chí về hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá quy định tại khoản 1 Điều 17 của Luật Giá và khoản 1 Điều 4 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá (gọi tắt là Nghị định số 85/2024/NĐ-CP); b) Thực hiện các nội dung theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 4 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP; tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố văn bản lấy ý kiến của Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực đối với hàng hóa, dịch vụ đó; c) Chuẩn bị hồ sơ đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá gửi Sở Tài chính tổng hợp trình Ủy ban	Căn cứ khoản 1 Điều 17 Luật Giá¹ và khoản 1 Điều 4 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP quy định trình tự, thủ tục đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá², đã quy định ở trung ương, cơ quan đề xuất điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá là bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ; do đó, thực hiện theo chủ trương của Đảng và Nhà nước về tăng cường phân công, phân cấp trong công tác quản lý, điều hành giá, tại Điều 4 Dự thảo Quy định đề xuất nội dung này tại địa phương là các Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ vì các Sở quản lý ngành, lĩnh vực là cơ quan trực tiếp quản lý cũng như nắm rõ nhất về cơ chế quản lý hàng hóa, dịch vụ, tính chất thị trường, cung cầu cũng như sự cần thiết và các lý do để đề xuất điều chỉnh.

¹ **Điều 17. Hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá**

1. Hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá phải đáp ứng đồng thời các tiêu chí sau đây:

- a) Là hàng hóa, dịch vụ thiết yếu;
- b) Có ảnh hưởng lớn đến phát triển kinh tế - xã hội, sản xuất, kinh doanh và đời sống người dân.

² **Điều 4. Trình tự, thủ tục đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá**

1. Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đánh giá sự cần thiết của việc điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá trên cơ sở tiêu chí về hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá quy định tại khoản 1 Điều 17 của Luật Giá và các căn cứ sau đây:

- a) Đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước trong phát triển kinh tế - xã hội;
- b) Yêu cầu trong công tác quản lý nhà nước về giá hàng hóa, dịch vụ để bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội, đời sống người dân, hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp hoặc để phù hợp với những thay đổi về quan hệ cung cầu trên thị trường của hàng hóa, dịch vụ đó;
- c) Kết quả nghiên cứu, tổng kết, đánh giá thực trạng biện pháp quản lý giá của hàng hóa, dịch vụ cần điều chỉnh

	nhân dân Thành phố. Thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP. 2. Sở Tài chính Tổng hợp đề xuất của các Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa dịch vụ, trình Ủy ban nhân dân Thành phố gửi Bộ Tài chính	
Điều 5. Tổ chức thực hiện bình ổn giá theo khoản 1 Điều 20 Luật Giá	1. Căn cứ chủ trương bình ổn giá của Chính phủ và nội dung triển khai, hướng dẫn của Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ; Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ thực hiện một hoặc một số phương thức quy định tại khoản 2 Điều này để xác định nguyên nhân biến động giá; báo cáo kết quả thực hiện cho Ủy ban nhân dân Thành phố và Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ đó để làm cơ sở cho Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực lựa chọn biện pháp, thời hạn và phạm vi bình ổn giá phù hợp. 2. Phương thức xác định nguyên nhân biến động giá a) Kiểm tra yếu tố hình thành giá thực hiện theo quy định tại Điều 31, Điều 32, Điều 33 của Luật Giá hoặc yêu cầu doanh nghiệp báo cáo một số yếu tố hình thành giá; b) Kiểm soát hàng hóa tồn kho của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ; c) Đánh giá cung, cầu hàng hóa, dịch vụ: đánh giá thực trạng cung cầu thị trường của hàng hóa, dịch vụ và phân tích nguyên nhân gây mất cân đối cung cầu hàng hóa, dịch vụ. 3. Sau khi Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành quyết định áp dụng một hoặc một số biện pháp bình ổn giá theo quy định tại Điều 19 Luật Giá và thời hạn, phạm vi áp dụng bình ổn giá; trên cơ sở phân công của Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực; các sở ngành Thành phố và Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các nhiệm vụ sau: a) Sở Tài chính	Căn cứ Điều 18 và Điều 20 Luật Giá, Điều 5, Điều 6 và Điều 7 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP quy định, ở trung ương cơ quan đề xuất bình ổn giá, báo cáo kết quả thực hiện là bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ. Căn cứ quy định tại Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền giữa chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính: <i>“Điều 32. Thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong hoạt động quản lý, điều tiết giá của Nhà nước</i> <i>Thẩm quyền tổ chức triển khai thực hiện bình ổn giá tại phạm vi địa phương của Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân công của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được quy định</i>

	Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai thực hiện các nội dung phân công của Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực về thực hiện bình ổn giá trên địa bàn Thành phố cho các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức có liên quan theo quy định. b) Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ Tổ chức triển khai thực hiện bình ổn giá theo phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố. Tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân Thành phố kết quả thực hiện bình ổn giá trên địa bàn cho Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì, đồng gửi Bộ Tài chính, Sở Tài chính tổng hợp vào báo cáo thị trường định kỳ theo quy định. c) Ủy ban nhân dân cấp xã Tổ chức triển khai thực hiện bình ổn giá theo phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố và gửi báo cáo kết quả thực hiện về Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ đó để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.	tại điểm b khoản 2 Điều 20 Luật Giá và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.”. Do đó, bám sát các quy định tại Luật Giá, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP và Nghị định số 125/2025/NĐ-CP cũng như chủ trương của Đảng và Nhà nước về tăng cường phân công, phân cấp quản lý nhà nước về giá theo chức năng, nhiệm vụ về ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ; Dự thảo Quy định đề xuất tại địa phương tương tự với trung ương, Sở quản lý ngành, lĩnh vực sẽ là cơ quan đề xuất bình ổn giá, báo cáo kết quả thực hiện bình ổn giá. Trên cơ sở đề xuất nêu trên, tại Dự thảo Quy định phân công cụ thể trách nhiệm các Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ trong việc tổ chức triển khai bình ổn giá trong các trường hợp cần bình ổn giá theo quy định tại Điều 20 Luật Giá, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP; trên cơ sở đề xuất của Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ, Sở Tài chính là cơ quan tổng hợp trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định chủ trương, biện pháp bình ổn giá, thời hạn bình ổn giá và phân công tổ chức triển khai thực hiện cho Sở quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân cấp xã.
Điều 6. Tổ chức thực hiện bình ổn giá theo điểm a khoản 2 Điều 20 Luật Giá	1. Sở Tài chính Trình Ủy ban nhân dân Thành phố phân công tổ chức triển khai thực hiện bình ổn giá do Chính phủ quyết định cho các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã. 2. Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ Tổ chức triển khai thực hiện bình ổn giá theo phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố. Tổng hợp, tham mưu trình Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo kết quả triển khai thực hiện, để Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Chính phủ theo phân công; đồng thời gửi Sở Tài chính tổng hợp vào báo cáo tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường định kỳ. 3. Ủy ban nhân dân cấp xã Tổ chức triển khai thực hiện bình ổn giá theo phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố và gửi báo cáo kết quả thực hiện về Sở	

	quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ đó để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.	
Điều 7. Tổ chức thực hiện bình ổn giá theo điểm b khoản 2 Điều 20 của Luật Giá	1. Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 20 Luật Giá và khoản 2 Điều 6 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP. Tổ chức triển khai thực hiện bình ổn giá theo phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố và tổng hợp, tham mưu trình Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Chính phủ kết quả thực hiện bình ổn giá, đồng gửi Bộ Tài chính, Sở Tài chính tổng hợp vào báo cáo tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường. 2. Sở Tài chính a) Tổng hợp đề xuất của Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định chủ trương, biện pháp bình ổn giá, thời hạn bình ổn giá và phân công tổ chức triển khai thực hiện cho Sở quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp xã; b) Tổng hợp kết quả thực hiện bình ổn giá trên cơ sở báo cáo của các Sở quản lý ngành của hàng hóa, dịch vụ vào báo cáo tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường định kỳ. 3. Ủy ban nhân dân cấp xã Tổ chức triển khai thực hiện bình ổn giá theo phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố và gửi báo cáo kết quả thực hiện về Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ đó để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.	
Điều 8. Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá	Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá: tên hàng hóa, dịch vụ; cơ quan quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ; thẩm quyền và hình thức định giá; cơ quan thẩm định, trình phương án giá và cơ quan tham mưu đặc điểm	Căn cứ Phụ lục số 02 - Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá được ban hành kèm theo Luật Giá; Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 10 và điểm c khoản 1 Điều 11 Nghị định số 85/2025/NĐ-CP³.

³ Điều 10. Thẩm định phương án giá

	kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ định giá thực hiện theo quy định tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.	
Điều 9. Điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá	1. Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ theo phân công tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này đề xuất điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá: nêu rõ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Luật Giá,	Căn cứ khoản 1 Điều 21 Luật Giá và khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 8 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP quy định trình tự, thủ tục đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá ⁴ , tương tự như quy trình

2. Việc tổ chức thẩm định phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ do một cấp định giá trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định này được quy định như sau:

b) Đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ khoản 1 Điều 9 của Nghị định này: Bộ, cơ quan ngang bộ phân công cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện việc thẩm định phương án giá; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công cơ quan, đơn vị chuyên môn trực thuộc theo chức năng, nhiệm vụ về quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ hoặc cơ quan hành chính cấp dưới theo địa bàn quản lý thực hiện việc thẩm định phương án giá, đảm bảo phù hợp với yêu cầu công tác quản lý nhà nước về giá tại địa phương và quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Điều 11. Trình và ban hành văn bản định giá

1. Đối với các trường hợp hàng hóa, dịch vụ do một cấp định giá, việc trình và ban hành văn bản định giá được thực hiện như sau:

c) Đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm b, điểm c, điểm đ khoản 1 Điều 9 của Nghị định này: cơ quan có thẩm quyền định giá có trách nhiệm xem xét, ban hành văn bản định giá trên cơ sở hồ sơ do cơ quan, đơn vị được giao thẩm định phương án giá trình;

⁴ **Điều 21. Hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá**

1. Hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây:

- Hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực độc quyền Nhà nước sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật về thương mại và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- Tài nguyên quan trọng theo quy định của pháp luật về tài nguyên;
- Hàng dự trữ quốc gia; sản phẩm, dịch vụ công ích và dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước;
- Hàng hóa, dịch vụ thiết yếu có tính chất độc quyền trong mua, bán hoặc có thị trường cạnh tranh hạn chế và ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội, đời sống người dân, hoạt động sản xuất, kinh doanh.

5. Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập văn bản đề nghị điều chỉnh gửi Bộ Tài chính tổng hợp, trình Chính phủ để trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.

Điều 8. Trình tự, thủ tục đề nghị điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá

1. Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đánh giá sự cần thiết của việc điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá trên cơ sở tiêu chí về hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá quy định tại khoản 1 Điều 21 Luật Giá và các căn cứ sau đây:

- Đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước trong phát triển kinh tế - xã hội;
- Yêu cầu trong công tác quản lý nhà nước về giá hàng hóa, dịch vụ để bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội, đời sống người dân, hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp hoặc để phù hợp với những thay đổi về quan hệ cung cầu trên thị trường của hàng hóa, dịch vụ đó;
- Kết quả nghiên cứu, tổng kết, đánh giá thực trạng biện pháp quản lý giá của hàng hóa, dịch vụ cần điều chỉnh

2. Trên cơ sở các căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này, khi cần đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện các nội dung sau....

3. Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi 01 bản chính hồ sơ đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá cho Bộ Tài chính tổng hợp, hồ sơ bao gồm các tài liệu sau đây.....

	khoản 2 Điều 8 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP và chuẩn bị hồ sơ đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá gửi Sở Tài chính tổng hợp trình Ủy ban nhân dân Thành phố. Thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP. 2. Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố có văn bản đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá gửi Bộ Tài chính tổng hợp trình Chính phủ để trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét trên cơ sở đề xuất của các Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa dịch vụ	tại mục bình ổn giá, tại Điều 9 Dự thảo Quy định đề xuất tại địa phương, cơ quan đề xuất điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá là các Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ.
Điều 10. Tổ chức thực hiện định giá	1. Cơ quan tổ chức việc lựa chọn, yêu cầu cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá: a) Phân cấp cho Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ: tổ chức việc lựa chọn, yêu cầu cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ trong Danh mục hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân Thành phố lập phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ do một cấp định giá khác ngoài các hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 1 Điều 9 và hàng hóa, dịch vụ do hai cấp định giá khác ngoài các hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP;	(i) Về phân cấp cơ quan tổ chức việc lựa chọn, yêu cầu cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá (khoản 1 Điều 10 Dự thảo) Căn cứ khoản 1 Điều 16 Luật Giá, căn cứ điểm d khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP quy định⁵, cơ quan có thẩm quyền tổ chức việc lựa chọn, yêu cầu cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá và cơ quan ban hành quyết định giá là Ủy ban nhân dân Thành phố. Nhằm tạo thuận lợi cũng như tiết kiệm thời gian trong việc lựa chọn đơn vị xây dựng phương án giá; đồng thời nguyên tắc lựa chọn cơ quan, đơn vị, tổ chức xây dựng phương án giá đã được quy định rõ tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP, do đó căn cứ quy định tại

⁵ Điều 9. Lập phương án giá hàng hóa, dịch vụ

1. Việc lập phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ do một cấp định giá được quy định như sau:

đ) Đối với hàng hóa, dịch vụ do một cấp định giá khác ngoài các hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản này: cơ quan có thẩm quyền định giá tổ chức việc lựa chọn, yêu cầu cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá. Việc lựa chọn tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Việc lập phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ do hai cấp định giá được quy định như sau:

đ) Đối với các hàng hóa, dịch vụ do hai cấp định giá khác ngoài các hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này: cơ quan có thẩm quyền định giá cụ thể tổ chức việc lựa chọn, yêu cầu cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá. Việc lựa chọn tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này.

	b) Phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã: tổ chức việc lựa chọn, yêu cầu cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trên địa bàn quản lý kinh doanh hàng hóa, dịch vụ trong Danh mục hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân cấp xã theo phân cấp của Ủy ban nhân dân Thành phố lập phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ do một cấp định giá khác ngoài các hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 1 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP; c) Việc lựa chọn tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.	Điều 13 Luật Tổ chức chính quyền địa phương⁶; tại Điều 10 Dự thảo Quy định đề xuất phân cấp cho Sở quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức việc lựa chọn, yêu cầu cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá. (ii) Về nhiệm vụ của Sở quản lý ngành, lĩnh vực được phân công thẩm định, trình phương án giá hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá (khoản 2 Điều 10 Dự thảo) Căn cứ điểm b khoản 2 và điểm c khoản 3 Điều 10, khoản 1 Điều 11 và Điều 12 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP⁷ quy định việc thẩm định và trình phương án giá sẽ do cơ quan,
--	--	---

⁶ Điều 13. Phân cấp

1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân cùng cấp hoặc Hội đồng nhân dân cấp xã; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp mình, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện liên tục, thường xuyên một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn mà mình được giao theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp pháp luật quy định không được phân cấp.

2. Việc phân cấp phải được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan, cá nhân phân cấp. Cơ quan, cá nhân phân cấp chịu trách nhiệm bảo đảm các điều kiện cần thiết để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn phân cấp, trừ trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được phân cấp có đề nghị và tự bảo đảm điều kiện thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp.

⁷ Điều 10. Thẩm định phương án giá

2. Việc tổ chức thẩm định phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ do một cấp định giá trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định này được quy định như sau:

b) Đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ khoản 1 Điều 9 của Nghị định này: Bộ, cơ quan ngang bộ phân công cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện việc thẩm định phương án giá; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công cơ quan, đơn vị chuyên môn trực thuộc theo chức năng, nhiệm vụ về quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ hoặc cơ quan hành chính cấp dưới theo địa bàn quản lý thực hiện việc thẩm định phương án giá, đảm bảo phù hợp với yêu cầu công tác quản lý nhà nước về giá tại địa phương và quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

3. Việc tổ chức thẩm định phương án giá hàng hóa, dịch vụ do hai cấp định giá trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định này được thực hiện như sau:

c) Đối với các hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 9 của Nghị định này: Bộ, cơ quan ngang bộ có thẩm quyền định giá cụ thể phân công cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện việc thẩm định phương án giá; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công cơ quan, đơn vị chuyên môn trực thuộc theo chức năng, nhiệm vụ về quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ hoặc cơ quan hành chính cấp dưới theo địa bàn quản lý thực hiện việc thẩm định phương án giá, đảm bảo phù hợp với yêu cầu công tác quản lý nhà nước về giá tại địa phương và quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Điều 11. Trình và ban hành văn bản định giá

1. Đối với các trường hợp hàng hóa, dịch vụ do một cấp định giá, việc trình và ban hành văn bản định giá được thực hiện như sau:

c) Đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm b, điểm c, điểm đ khoản 1 Điều 9 của Nghị định này: cơ quan có thẩm quyền định giá có trách nhiệm xem xét, ban hành văn bản định giá trên cơ sở hồ sơ do cơ quan, đơn vị được giao thẩm định phương án giá trình;

2. Đối với hàng hóa, dịch vụ do hai cấp định giá, việc trình và ban hành văn bản định giá được quy định như sau:.....

Điều 12. Điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ

2. Trình tự, thủ tục thẩm định phương án giá, trình và ban hành văn bản điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện như quy định tại Điều 10, Điều 11 của Nghị định này.

	2. Sở quản lý ngành, lĩnh vực có nhiệm vụ: a) Thực hiện thẩm định phương án giá hàng hóa, dịch vụ trong Danh mục hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá, điều chỉnh giá của Ủy ban nhân dân Thành phố theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 10, Điều 12 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP. Biểu mẫu báo cáo thẩm định thực hiện theo Phụ lục III kèm theo Nghị định số 85/2024/NĐ-CP; b) Trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành văn bản định giá, điều chỉnh giá: Đối với hàng hóa, dịch vụ là giá nước sạch; dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập và dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ định giá tại Phụ lục II Quyết định này: việc trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành văn bản định giá, điều chỉnh giá theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 11 và Điều 12 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP. Đối với hàng hóa, dịch vụ còn lại thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ định giá tại Phụ lục II Quyết định này: việc trình Ủy	đơn vị chuyên môn về ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ thực hiện để đảm bảo đúng chức năng, nhiệm vụ cũng như thể hiện rõ nguyên tắc phân công, phân cấp theo ngành, lĩnh vực; trên cơ sở đó nhằm tăng cường trách nhiệm của các cơ quan trực tiếp quản lý hàng hóa, dịch vụ. Do đó, tại khoản 2 Điều 10 Dự thảo đề xuất quy định Sở quản lý ngành, lĩnh vực là cơ quan thẩm định, trình phương án giá. (iii) Về phân cấp UBND cấp xã định giá hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá (khoản 3 Điều 10 Dự thảo) Căn cứ quy định tại Luật Giá, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP, Điều 13 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Điều 17, Điều 18 Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025⁸ và khoản 12 Điều 4 Thông tư số 57/2025/TT-BTC ngày 25/6/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tài chính thuộc UBND cấp tỉnh và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của trong lĩnh vực Tài chính – Kế hoạch của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp xã⁹, tại Dự thảo Quy định đề xuất phân cấp cho
--	--	---

⁸ **Điều 17. Thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ**

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ cấp huyện được quy định tại khoản 2 Điều 15, khoản 2 Điều 17, điểm a khoản 3 Điều 29 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.
2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp huyện được quy định tại Điều 17, điểm b khoản 2, điểm a khoản 4 Điều 24, điểm a khoản 4 Điều 25, điểm b, điểm c khoản 2 Điều 28, điểm a khoản 3 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 30, điểm b khoản 2 Điều 31 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

Điều 18. Thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp huyện được quy định tại Điều 9, điểm a khoản 6 Điều 21, điểm a khoản 3, điểm a khoản 4, điểm a khoản 5 Điều 22 Nghị định số 08/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.
2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp huyện được quy định tại điểm d khoản 3, khoản 4 Điều 6, Điều 9, khoản 1 Điều 13, điểm c khoản 3 Điều 15, điểm a khoản 6 Điều 16, điểm a khoản 6 Điều 17, điểm a khoản 6 Điều 21, điểm a khoản 3, điểm a khoản 4, điểm a khoản 5 Điều 22, điểm b khoản 2, điểm c khoản 5 Điều 23, điểm b khoản 2, điểm c khoản 4 Điều 24 Nghị định số 08/2025/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.
3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện được quy định tại điểm a khoản 6 Điều 18 Nghị định số 08/2025/NĐ-CP do cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp xã giao thực hiện.

⁹ **Điều 4. Nhiệm vụ và quyền hạn**

1. Trình Ủy ban nhân dân cấp xã

	ban nhân dân Thành phố ban hành văn bản định giá, điều chỉnh giá theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 1 Điều 11 và Điều 12 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành văn bản định giá, điều chỉnh giá theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP. c) Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật (tên gọi chi tiết, chủng loại cụ thể hoặc đặc điểm cơ bản của hàng hóa, dịch vụ) trên cơ sở tên gọi chung của hàng hóa, dịch vụ trong Danh mục hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân Thành phố theo Phụ lục II đính kèm Quyết định này (ngoại trừ sản phẩm dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo phương thức đặt hàng, hàng dự trữ quốc gia và các hàng hóa, dịch vụ đã có quy định về đặc điểm kinh tế - kỹ thuật tại pháp luật có liên quan). 3. Ủy ban nhân dân cấp xã: Định giá hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân cấp xã theo phân cấp của Ủy ban nhân dân Thành phố.	Ủy ban nhân dân cấp xã (thay vì Ủy ban nhân dân cấp huyện như quy định trước đây tại Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND) tổ chức việc lựa chọn, yêu cầu cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá và định giá đối với 03 hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá là sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của địa phương; sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của địa phương và dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước.
Điều 11. Thẩm quyền và trách nhiệm hiệp thương giá	1. Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 26 Luật Giá.	Thẩm quyền và trách nhiệm của cơ quan hiệp thương giá là Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 26 Luật Giá; trình tự thủ tục tổ chức hiệp thương giá thực hiện theo quy định tại Điều 27 Luật Giá¹⁰ và Điều 13 Nghị định số 85/2024/NĐ-

12. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá theo phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện bình ổn giá trên địa bàn, công tác định giá Nhà nước, tiếp nhận kê khai giá hàng hóa, dịch vụ, triển khai hoạt động tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường, cập nhật thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá, tổ chức hoạt động thẩm định giá của Nhà nước và các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá khác theo phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

¹⁰ Điều 26. Nguyên tắc, thẩm quyền và trách nhiệm hiệp thương giá

2. Thẩm quyền và trách nhiệm hiệp thương giá được quy định như sau:

b) Sở quản lý ngành, lĩnh vực hiệp thương giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý mà bên mua và bên bán không thuộc quy định tại điểm a khoản này.

	2. Trình tự, thủ tục tổ chức hiệp thương giá thực hiện theo quy định tại Điều 27 Luật Giá và Điều 13 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.	CP ¹¹ , nên Sở Tài chính chỉ cập nhật để các sở ngành dễ theo dõi và thực hiện
Điều 12. Hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá	Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên địa bàn Thành phố: tên hàng hóa, dịch vụ; cơ quan quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật; cơ quan tham mưu đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ kê khai giá đặc thù và cơ quan tiếp nhận kê khai giá được quy định tại Phụ lục III kèm theo Quyết định này	Căn cứ Phụ lục V - Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện tiếp nhận kê khai giá và thẩm quyền tiếp nhận được ban hành kèm theo Nghị định số 85/2024/NĐ-CP; Căn cứ quy định tại Nghị định số 85/2025/NĐ-CP: “Điều 14. Hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá 1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá được quy định tại Phụ lục V kèm theo Nghị định này. 3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương theo phân công tại Phụ lục V kèm theo Nghị định này phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước về giá tại địa phương (nếu có). Điều 16. Cơ quan tiếp nhận và đối tượng thực hiện kê khai giá 1. Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công cơ quan chuyên môn, đơn vị chuyên môn trực thuộc theo ngành, lĩnh vực quản lý về hàng hóa, dịch vụ, cơ quan hành chính cấp dưới tiếp nhận văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại Phụ lục V kèm theo Nghị định này.” Căn cứ quy định nêu trên, Dự thảo Quy định đã quy định cụ thể đối tượng tiếp nhận kê khai giá và tham mưu UBND TP đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của HH, DV kê khai giá đặc thù.

¹¹ **Điều 13. Tổ chức hiệp thương giá**

Trình tự, thủ tục tổ chức hiệp thương giá được thực hiện theo quy định tại Điều 27 Luật Giá và hướng dẫn tại Điều này.

Điều 13. Điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá	1. Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ theo phân công đề xuất điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ kê khai giá tại Mục III (hàng hóa, dịch vụ thiết yếu khác do Chính phủ ban hành) của Phụ lục III kèm theo Quyết định này: nêu rõ các nội dung theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 15	Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 15 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ¹² và tương tự như quy trình tại bình ổn giá, định giá, tại Điều 13 Dự thảo Quy định quy định tại địa phương, cơ quan đề xuất điều chỉnh Danh
---	---	---

¹² Điều 15. Trình tự, thủ tục đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá

1. Trường hợp cần điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá thuộc thẩm quyền của Chính phủ quy định tại điểm d khoản 2 Điều 28 của Luật Giá, bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện các nội dung sau:

a) Trường hợp đề nghị bổ sung hàng hóa, dịch vụ vào Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá: tổng kết, đánh giá về tình hình cung - cầu, diễn biến giá cả thị trường và đánh giá thực trạng biện pháp quản lý giá hàng hóa, dịch vụ cần bổ sung; đánh giá sự cần thiết điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá theo quy định tại khoản 2 Điều này; đánh giá tác động của chính sách bổ sung hàng hóa, dịch vụ vào Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá; lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; tổ chức hội nghị, hội thảo lấy ý kiến, nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm nước ngoài (nếu cần thiết);

b) Trường hợp đưa hàng hóa, dịch vụ ra khỏi Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá: tổng kết, đánh giá việc thực hiện biện pháp kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ; đánh giá về tình hình cung - cầu, diễn biến giá cả thị trường của hàng hóa, dịch vụ; đánh giá sự cần thiết điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá theo quy định tại khoản 2 Điều này; đánh giá tác động của chính sách đưa hàng hóa, dịch vụ ra khỏi Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá; dự kiến biện pháp quản lý giá thay thế đối với hàng hóa, dịch vụ đó sau khi đưa ra khỏi Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá; lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; tổ chức hội nghị, hội thảo lấy ý kiến, nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm nước ngoài (nếu cần thiết);

c) Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề xuất điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực đối với hàng hóa, dịch vụ đó trước khi gửi Bộ Tài chính tổng hợp.

2. Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đánh giá sự cần thiết của việc điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên cơ sở tiêu chí về hàng hóa, dịch vụ thiết yếu quy định tại khoản 3 Điều 4 của Luật Giá và các căn cứ sau đây:

a) Đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước trong phát triển kinh tế - xã hội;

b) Yêu cầu trong công tác quản lý nhà nước về giá hàng hóa, dịch vụ của bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cần phải điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá để phục vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường hoặc để phù hợp với những thay đổi về quan hệ cung cầu trên thị trường của hàng hóa, dịch vụ đó;

c) Kết quả nghiên cứu, tổng kết, đánh giá thực trạng biện pháp quản lý giá của hàng hóa, dịch vụ đề xuất điều chỉnh.

3. Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi 01 bản chính hồ sơ đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá cho Bộ Tài chính tổng hợp, hồ sơ bao gồm các tài liệu sau đây:

a) Văn bản đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá:

Trường hợp đề nghị bổ sung hàng hóa, dịch vụ vào Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá, tại văn bản nêu rõ tên hàng hóa, dịch vụ, dự kiến đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ; đề xuất cơ quan có thẩm quyền quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật và cơ quan tiếp nhận kê khai giá của hàng hóa, dịch vụ đó;

Trường hợp đề nghị đưa hàng hóa, dịch vụ ra khỏi Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá, tại văn bản nêu rõ tên hàng hóa, dịch vụ; dự kiến biện pháp quản lý giá thay thế đối với hàng hóa, dịch vụ đó;

b) Báo cáo tổng kết, đánh giá các nội dung theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này;

c) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách bổ sung hoặc đưa hàng hóa, dịch vụ ra khỏi Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá;

d) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý;

đ) Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

	Nghị định số 85/2024/NĐ-CP và chuẩn bị hồ sơ đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ kê khai giá gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân Thành phố. Thành phần hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP. 2. Sở Tài chính tổng hợp đề xuất của các Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa dịch vụ, trình Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo gửi Bộ Tài chính để trình Chính phủ xem xét.	mục hàng hóa, dịch vụ kê khai giá là các Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ.
Điều 14. Tổ chức thực hiện kê khai giá	1. Ban hành Danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá a) Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, lựa chọn tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có trụ sở chính trên địa bàn Thành phố mà không có tên trong Danh sách kê khai giá của Bộ, cơ quan ngang bộ đã ban hành, để đưa vào Danh sách kê khai giá trên địa bàn Thành phố theo Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá tại Phụ lục III Quyết định này; có văn bản gửi Sở Tài chính tổng hợp trước ngày 15 tháng 01 hàng năm trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Danh sách kê khai giá định kỳ.	(i) Về Ban hành Danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá (khoản 1 Điều 14 Dự thảo) Căn cứ khoản 1 và điểm a, điểm b khoản 2 Điều 16 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP¹³ quy định: - Cơ quan tiếp nhận kê khai giá là sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ và Ủy ban nhân dân cấp xã. - Cơ quan ban hành Danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá là Ủy ban nhân dân Thành phố. Cơ quan chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị rà soát tổng thể tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Danh sách, đề xuất giao Sở Tài chính thực hiện. - Đồng thời, căn cứ Điều 13 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, tại Dự thảo Quy định đề xuất phân cấp cho Ủy ban

¹³ **Điều 16. Cơ quan tiếp nhận và đối tượng thực hiện kê khai giá**

1. Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công cơ quan chuyên môn, đơn vị chuyên môn trực thuộc theo ngành, lĩnh vực quản lý về hàng hóa, dịch vụ, cơ quan hành chính cấp dưới tiếp nhận văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại Phụ lục V kèm theo Nghị định này.

2. Việc ban hành Danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá (sau đây gọi là Danh sách kê khai giá) được thực hiện như sau:

a) Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công cho một cơ quan, đơn vị chuyên môn trực thuộc chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát tổng thể để tham mưu ban hành Danh sách kê khai giá thuộc thẩm quyền tiếp nhận theo thời hạn quy định tại điểm b khoản này. Thông tin tại Danh sách kê khai giá bao gồm tên công ty, mã số doanh nghiệp, mã số chi nhánh (nếu có).

b) Thời hạn bộ, cơ quan ngang bộ ban hành Danh sách kê khai giá tổng hợp định kỳ trước ngày 01 tháng 01 hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Danh sách kê khai giá tổng hợp định kỳ trước ngày 15 tháng 02 hàng năm. Trường hợp trong năm phát sinh yêu cầu cần điều chỉnh Danh sách kê khai giá thì bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh rà soát ban hành Danh sách kê khai giá bổ sung. Trường hợp đến hạn rà soát định kỳ hàng năm mà không phát sinh yêu cầu phải điều chỉnh Danh sách kê khai giá thì không cần ban hành Danh sách kê khai giá mới;

	Trường hợp trong năm phát sinh yêu cầu cần điều chỉnh Danh sách kê khai giá, có văn bản gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Danh sách kê khai giá bổ sung. b) Sở Tài chính Tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Danh sách kê khai giá định kỳ trên địa bàn Thành phố trước ngày 15 tháng 02 hàng năm trên cơ sở đề xuất của các Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ. Tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Danh sách kê khai giá bổ sung trong trường hợp trong năm phát sinh yêu cầu cần điều chỉnh Danh sách kê khai giá trên cơ sở đề xuất của các Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ. 2. Quyền và trách nhiệm của cơ quan tiếp nhận kê khai giá a) Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ Tiếp nhận văn bản kê khai giá của tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá theo Danh mục hàng hóa, dịch vụ kê khai giá tại Phụ lục III kèm theo Quyết định này	nhân dân cấp xã ban hành Danh sách kê khai giá đối với tổ chức sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn quản lý mà không thuộc đối tượng kê khai giá trong Danh sách kê khai giá do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành, nhằm đẩy mạnh công tác phân công, phân cấp trong công tác tiếp nhận kê khai giá. Do đó, tại khoản 1 Điều 14 Dự thảo quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ của từng đối tượng liên quan việc ban hành Danh sách tổ chức tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên địa bàn Thành phố. (ii) Về Quyền và trách nhiệm của cơ quan tiếp nhận kê khai giá (khoản 2 Điều 14 Dự thảo) Căn cứ khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 17, điểm đ khoản 1 Điều 18 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP¹⁴ và khoản 12 Điều 4 Thông tư số 57/2025/TT-BTC quy định về cách thức tiếp nhận kê khai giá, cơ quan tiếp nhận kê khai giá, cập nhật dữ liệu kê khai giá và thẩm quyền kiểm tra việc chấp hành pháp luật về kê khai giá. Do đó, tại khoản 2 Điều 14 Dự thảo đã cụ thể hóa trách nhiệm của từng sở quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân cấp xã trong công tác tiếp nhận kê khai giá.
--	---	--

¹⁴ Điều 17. Cách thức thực hiện và tiếp nhận kê khai giá

2. Các hình thức tiếp nhận kê khai giá:

- Tiếp nhận qua môi trường mạng trên phần mềm bằng một trong các hình thức sau đây: tiếp nhận qua dịch vụ công trực tuyến; tiếp nhận qua phần mềm cơ sở dữ liệu về giá; các hình thức tiếp nhận trên môi trường mạng khác được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật;
 - Tiếp nhận bằng các hình thức khác: tiếp nhận trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận kê khai giá; tiếp nhận qua đường bưu điện (thời gian gửi tính theo dấu công văn đến); tiếp nhận văn bản điện tử qua thư điện tử;
3. Cơ quan tiếp nhận kê khai giá lựa chọn hình thức tiếp nhận kê khai giá trong số các hình thức quy định tại khoản 2 Điều này phù hợp với điều kiện thực tế, bảo đảm thuận lợi cho tổ chức cá nhân thực hiện kê khai.
4. Cơ quan tiếp nhận kê khai giá có trách nhiệm kết nối, cập nhật thông tin, dữ liệu về giá hàng hóa, dịch vụ kê khai đã tiếp nhận theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

Điều 18. Quyền và trách nhiệm của cơ quan tiếp nhận và tổ chức, cá nhân kê khai giá

1. Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

- Tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật về kê khai giá theo thẩm quyền quản lý tiếp nhận kê khai giá tại Điều 16 của Nghị định này, thẩm quyền quản lý nhà nước về giá theo quy định của Luật Giá.

bằng hình thức quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

Thực hiện kết nối, cập nhật thông tin, dữ liệu về giá hàng hóa, dịch vụ kê khai đã tiếp nhận theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 17 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá. Chậm nhất đến ngày 01 tháng 7 năm 2027, đảm bảo toàn bộ Dữ liệu kê khai phải kết nối, cập nhật lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật (tên gọi chi tiết, chủng loại cụ thể hoặc đặc điểm cơ bản của hàng hóa, dịch vụ) trên cơ sở tên gọi chung của hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo Phần B Phụ lục III đính kèm Quyết định này.

Tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật về kê khai giá theo thẩm quyền tiếp nhận kê khai giá.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã

Phân cấp Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Danh sách tổ chức kinh doanh thực hiện kê khai giá tại địa bàn quản lý trên cơ sở rà soát, lựa chọn tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có trụ sở chính trên địa bàn quản lý mà không có tên trong Danh sách tổ chức kinh doanh thực hiện kê khai giá do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành.

Tiếp nhận văn bản kê khai giá của tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá theo Danh mục hàng hóa, dịch vụ kê khai giá tại Phụ lục III kèm theo Quyết định này trên địa bàn quản lý bằng hình thức phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

Thực hiện kết nối, cập nhật thông tin, dữ liệu về giá hàng hóa, dịch vụ kê khai đã tiếp nhận theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 17 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá. Chậm nhất đến ngày 01 tháng 7 năm 2027, đảm bảo

	toàn bộ Dữ liệu kê khai phải kết nối, cập nhật lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá. Tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật về kê khai giá theo thẩm quyền tiếp nhận kê khai giá.	
Điều 15. Cơ quan có thẩm quyền, trách nhiệm kiểm tra yếu tố hình thành giá	Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ thực hiện kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật Giá	(i) Về phân công cơ quan có thẩm quyền, trách nhiệm kiểm tra yếu tố hình thành giá (Điều 15 Dự thảo) Tại khoản 2 Điều 31 Luật Giá quy định ¹⁵ có 02 trường hợp thực hiện kiểm tra yếu tố hình thành giá là giá hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá và giá hàng hóa, dịch vụ khác có biến động bất thường khi xảy ra tình trạng khẩn cấp, sự cố, thảm họa, thiên tai, dịch bệnh hoặc theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh . Tại Điều 32 Luật Giá quy định ¹⁶ thẩm quyền và trách nhiệm kiểm tra yếu tố hình thành giá ở trung ương phân công theo ngành quản lý, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ; do đó, để đảm bảo thống nhất từ trung ương đến địa phương, tại Dự thảo Quy định đề xuất ở địa phương giao nhiệm vụ kiểm tra yếu tố hình thành giá cho sở quản lý ngành, lĩnh vực tổ chức thực hiện. (ii) Về tổ chức kiểm tra yếu tố hình thành giá (Điều 16 Dự thảo)
Điều 16. Tổ chức kiểm tra yếu tố hình thành giá	1. Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ thực hiện kiểm tra yếu tố hình thành giá theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Luật Giá. 2. Báo cáo kết quả kiểm tra (bao gồm các nội dung mục đích, yêu cầu, đối tượng kiểm tra, kết quả kiểm tra và nguyên nhân) gửi đến tổ chức, cá nhân bị kiểm tra và Ủy ban nhân dân Thành phố. 3. Các biện pháp xử lý vi phạm: thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 33 Luật Giá.	

¹⁵ Điều 31. Mục đích, yêu cầu kiểm tra yếu tố hình thành giá

2. Việc kiểm tra yếu tố hình thành giá thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Giá hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá có biến động bất thường, ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội, hoạt động sản xuất, kinh doanh, đời sống người dân, mặt bằng giá thị trường;
b) Giá hàng hóa, dịch vụ khác có biến động bất thường khi xảy ra tình trạng khẩn cấp, sự cố, thảm họa, thiên tai, dịch bệnh hoặc theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để phục vụ công tác quản lý, điều hành giá.

¹⁶ Điều 32. Thẩm quyền, trách nhiệm kiểm tra yếu tố hình thành giá

1. Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với **hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi chuyên ngành quản lý và giao nhiệm vụ kiểm tra** cho các cơ quan chuyên môn, đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện.
2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý theo địa bàn và giao nhiệm vụ kiểm tra cho các cơ quan chuyên môn, đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện.”

		Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 33 Luật Giá ¹⁷ , tại Điều 16 Dự thảo Quy định đã quy định các bước tổ chức kiểm tra yếu tố hình thành giá.
Điều 17. Thẩm quyền và trách nhiệm của cơ quan xây dựng, phê duyệt và ban hành kế hoạch kiểm tra	1. Phân cấp cho các Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ; Ủy ban nhân dân cấp xã: a) Phê duyệt, ban hành kế hoạch kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá	Căn cứ quy định tại khoản 16 Thông tư số 57/2025/TT-BTC ¹⁸ . Căn cứ Điều 2, khoản 1 Điều 3 Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá quy định ¹⁹ :

¹⁷ **Điều 33. Thực hiện kiểm tra yếu tố hình thành giá**

2. Thực hiện kiểm tra yếu tố hình thành giá được quy định như sau:

- a) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra yếu tố hình thành giá có văn bản thông báo về việc kiểm tra gửi đến tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ;
 - b) Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng kiểm tra yếu tố hình thành giá có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các thông tin, hồ sơ, tài liệu, chứng từ liên quan đến yếu tố hình thành giá;
 - c) Thời gian kiểm tra yếu tố hình thành giá tối đa là 30 ngày kể từ ngày nhận đủ tài liệu theo yêu cầu; trường hợp phức tạp thì có thể gia hạn nhưng thời gian gia hạn không quá 15 ngày;
 - d) Kết thúc kiểm tra, cơ quan kiểm tra có báo cáo kết quả kiểm tra yếu tố hình thành giá và đề xuất các biện pháp phù hợp. Việc lập báo cáo kết quả kiểm tra trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra. Báo cáo kết quả kiểm tra yếu tố hình thành giá phải bao gồm các nội dung về mục đích, yêu cầu, đối tượng kiểm tra, kết quả kiểm tra và nguyên nhân.
3. Trong quá trình kiểm tra, trường hợp phát hiện hành vi vi phạm, cơ quan kiểm tra có trách nhiệm xử lý hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật

¹⁸ **Điều 4. Nhiệm vụ và quyền hạn**

16. Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý tài chính, ngân sách, giá....

¹⁹ **Tại Điều 2. Xây dựng, phê duyệt và ban hành kế hoạch kiểm tra:**

“1. Cơ quan chuyên môn, đơn vị trực thuộc được Bộ Tài chính, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá có trách nhiệm xây dựng và trình Bộ Tài chính, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, ban hành kế hoạch kiểm tra.

2. Chậm nhất vào ngày 31 tháng 12 hằng năm, trên cơ sở đề xuất của cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ kiểm tra, Bộ Tài chính, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành kế hoạch kiểm tra.”

Tại Điều 3. Quyết định kiểm tra

“1. Căn cứ kế hoạch kiểm tra được phê duyệt hoặc chỉ đạo của cấp có thẩm quyền hoặc khi phát hiện vi phạm, dấu hiệu vi phạm thì cơ quan chuyên môn, đơn vị trực thuộc được giao nhiệm vụ kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá có trách nhiệm trình Bộ Tài chính, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ký quyết định kiểm tra.”

	- Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ: các nội dung phân công tại Chương II Quy định này và theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố. - Ủy ban nhân dân cấp xã: các nội dung phân công tại khoản 3 Điều 10 và điểm b khoản 2 Điều 14 Quy định này và kiểm tra việc niêm yết giá của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn quản lý. b) Quyết định ban hành kế hoạch kiểm tra theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá; c) Ban hành Quyết định kiểm tra theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá; d) Xử lý kiến nghị kiểm tra; trường hợp vượt thẩm quyền báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố. 2. Phân cấp cho Sở Tài chính: a) Phê duyệt, ban hành kế hoạch kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá đối với hàng hóa tham gia Chương trình Bình ổn thị trường trên địa bàn Thành phố; kiểm tra các sở quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá được Ủy ban nhân dân Thành phố phân công, phân cấp tại Quy định này và theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố; Quyết định ban hành kế hoạch kiểm tra theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá; b) Ban hành Quyết định kiểm tra theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày	- Việc phê duyệt và ban hành Kế hoạch kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá hằng năm là thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố. - Thẩm quyền ký quyết định kiểm tra của từng cơ quan chuyên môn, đơn vị được giao nhiệm vụ kiểm tra là Ủy ban nhân dân Thành phố. - Thẩm quyền xem xét, quyết định, chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, đơn vị thực hiện xử lý kiến nghị của đoàn kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố. Như vậy, căn cứ các quy định nêu trên, hằng năm định kỳ các Sở ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã phải tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định ban hành Kế hoạch kiểm tra chậm nhất ngày 31 tháng 12; sau khi có Kế hoạch kiểm tra, từng Sở ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định kiểm tra định kỳ trong năm, hay phát sinh đột xuất, thực hiện chỉ đạo. Như vậy, Ủy ban nhân dân Thành phố sẽ phải phê duyệt và ban hành rất nhiều Kế hoạch kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, Quyết định kiểm tra; xử lý các kiến nghị của đoàn kiểm tra. Căn cứ quy định tại Điều 13 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, căn cứ Điều 4 Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định thành phần đoàn kiểm tra bao gồm Lãnh đạo Sở, ngành thuộc địa phương; Lãnh đạo cấp Phòng hoặc tương đương của cơ quan chuyên môn, đơn vị trực thuộc được giao nhiệm vụ kiểm tra. Đồng thời căn cứ Nghị định số 87/2024/NĐ-CP ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong quản lý giá quy định thẩm quyền xử phạt là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, tại Điều 17 Dự thảo Quy định, Sở Tài chính đề
--	--	---

	16 tháng 5 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá; c) Xử lý kiến nghị kiểm tra; trường hợp vượt thẩm quyền báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố. 3. Kế hoạch kiểm tra đảm bảo nguyên tắc quy định tại khoản 2 Điều 68 Luật Giá. 4. Các sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ; Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm: a) Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực giá, thẩm định giá theo các nội dung được phân công; b) Báo cáo công tác kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá về Sở Tài chính tổng hợp định kỳ trước ngày 01 hàng tháng. 5. Sở Tài chính có trách nhiệm: a) Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực giá, thẩm định giá theo các nội dung được phân công; b) Tổng hợp báo cáo công tác kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá của các Sở quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân quận, huyện và thành phố Thủ Đức vào báo cáo giá thị trường định kỳ.	xuất phân cấp thẩm quyền xây dựng, phê duyệt, ban hành kế hoạch kiểm tra và Quyết định kiểm tra cho các sở, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã nhằm mục đích giám sát nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân Thành phố, đẩy mạnh việc phân công, phân cấp trong việc kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá cũng như tạo thuận lợi cho các sở, ngành Thành phố và Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc thực hiện nhiệm vụ.
Điều 18. Xử lý vi phạm hành chính trong quản lý giá	Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về giá tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định số 87/2024/NĐ-CP ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong quản lý giá và các quy định pháp luật có liên quan.	
Điều 19. Thẩm định giá của Nhà nước	Thực hiện theo quy định tại Điều 59 đến Điều 66 và khoản 2 Điều 74 Luật Giá	Trong Luật Giá đã quy định cụ thể, Dự thảo Quy định chỉ cập nhật để các sở, ngành và các đơn vị dễ theo dõi và thực hiện

Điều 20. Cập nhật thông tin, dữ liệu lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá	1. Sở Tài chính a) Báo cáo giá thị trường trên địa bàn Thành phố theo quy định của Bộ Tài chính; b) Danh sách các tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên địa bàn Thành phố (danh sách kê khai giá định kỳ và danh sách kê khai giá bổ sung); c) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá theo quy định tại Luật Giá được thành lập tại Sở Tài chính; d) d) Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố. 2. Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ a) Giá hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân Thành phố định giá; b) Giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá tại các Sở quản lý ngành, lĩnh vực;	Căn cứ Điều 25 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP²⁰ quy định các thông tin, dữ liệu cần phải cập nhật vào cơ sở dữ liệu về giá và căn cứ các nội dung phân công, phân cấp liên quan kê khai giá, định giá, thẩm định giá Nhà nước cho các sở quản lý ngành, lĩnh vực, Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân cấp xã, tại Điều 22 Dự thảo Quy định, đã quy định cụ thể trách nhiệm của từng cơ quan trong việc cập nhật dữ liệu lên Cơ sở Dữ liệu quốc gia về giá.
--	--	--

²⁰ **Điều 25. Cập nhật thông tin, dữ liệu vào cơ sở dữ liệu về giá**

1. Thông tin, dữ liệu được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá được quy định như sau:

- a) Giá hàng hóa dịch vụ do Nhà nước định giá được cơ quan có thẩm quyền định giá ban hành;
- b) Danh sách các tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá; giá hàng hóa dịch vụ được thực hiện kê khai tại các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được kết nối từ cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương hoặc phần mềm dịch vụ công;
- c) Báo cáo giá thị trường tổng hợp của các địa phương định kỳ theo quy định của Bộ Tài chính;
- d) Trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu do Tổng cục Hải quan quản lý theo Danh mục được Bộ Tài chính phê duyệt nội dung thu thập, đồng bộ và chuyển đổi dữ liệu sang Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá;
- đ) Các thông tin về doanh nghiệp thẩm định giá (tên, địa chỉ trụ sở chính, chi nhánh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, người đại diện pháp luật); thông tin của thẩm định viên về giá (họ tên, số thẻ thẩm định viên về giá, thông tin hành nghề); thông tin tước thẻ, thu hồi thẻ thẩm định viên về giá; thông tin về đình chỉ, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thẩm định giá; thông tin về các cơ sở bồi dưỡng, cập nhật nghiệp vụ thẩm định giá (tên, địa chỉ); thông tin tình hình thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật về thẩm định giá (số quyết định, ngày ban hành, cơ quan ban hành, đối tượng, hình thức kiểm tra, thời gian thực hiện);
- e) Báo cáo tình hình doanh nghiệp thẩm định giá định kỳ theo quy định của Bộ Tài chính;
- g) Chứng thư thẩm định giá theo quy định tại khoản 5 Điều 55 Luật Giá;
- h) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá được thành lập theo thẩm quyền của cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương;
- i) Thông tin về giá hàng hóa, dịch vụ khác do cơ quan được giao chủ trì vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá tổ chức thu thập, mua theo quy định của Bộ Tài chính

	c) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá theo quy định tại Luật Giá được thành lập tại các Sở, ngành; d) Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố. 3. Ủy ban nhân dân cấp xã a) Danh sách các tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên địa bàn quản lý (danh sách kê khai giá định kỳ và danh sách kê khai giá bổ sung); b) Giá hàng hóa, dịch vụ được thực hiện kê khai giá trên địa bàn quản lý; c) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá theo quy định tại Luật Giá được thành lập tại Ủy ban nhân dân cấp xã.	
--	--	--